

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST  
Ngày: 28 - 8 - 2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Phương Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Hoàng, ông Nguyễn Lâm Tới.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1); địa chỉ trụ sở chính: 266 - B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc, là đại diện theo pháp luật; (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Phòng G, địa chỉ: 5 Quốc lộ I, khóm X, phường T, thị xã T, là đại diện theo uỷ quyền theo giấy uỷ quyền số 25/2024/KK-PGDTB ngày 20-02-2024; (có mặt).

Bi đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1986; nơi cư trú: khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn R, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ I, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 08-10-

2021, ông Lê Văn N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 202126301676 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126301676 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh A - PGD Tịnh Biên (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) để Ngân hàng cho ông N vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, thời hạn trả nợ gốc đến hết ngày 13-10-2023, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi và buôn chuyển bò, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay, ông Lê Văn N có thế chấp cho Ngân hàng B quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126301676 ngày 08-10-2021, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất diện tích 92,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 70, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, đất tọa lạc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04248 do Sở T cấp ngày 21-8-2017 cho ông Lê Văn N đứng tên sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 481,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 70, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04248 do Sở T cấp ngày 21-8-2017 cho ông Lê Văn N đứng tên sử dụng.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông N nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng theo giấy nhận nợ cùng ngày 13-10-2022. Từ khi vay đến nay, ông N có thực hiện việc trả lãi nhưng không đầy đủ, chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông N không thực hiện, không bàn giao các quyền sử dụng đất đã thế chấp để xử lý thu hồi nợ. Ngày 13-10-2023, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất 20.25%/năm và áp dụng từ ngày 13-10-2023 đến nay không thay đổi.

Nguyên đơn khởi kiện buộc ông N trả số tiền tạm tính đến ngày 20-02-2024 là 325.313.414 đồng (trong đó, nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 25.313.414 đồng) và lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền gốc 300.000.000 đồng kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ, yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo việc thu hồi nợ.

\* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021; giấy nhận nợ số LD2228600182 ngày 13-10-2022; hợp đồng thế chấp tài sản số 202126301676 ngày 08-10-2021; phiếu yêu cầu Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 08-10-2021; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 92,4m<sup>2</sup>; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích

481,2m<sup>2</sup> (tất cả đều là bản photo có đóng dấu treo của Ngân hàng) cùng một số tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn R trình bày:* Ông là cha ruột của ông Lê Văn N, ông N đang sinh sống cùng vợ ở Bến Tre, ông có thông báo nội dung nguyên đơn khởi kiện cho ông N biết, ông N thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021, đến ngày 20-0-2024 còn nợ lại số tiền 325.313.414 đồng như Ngân hàng khởi kiện. Ông N đang tìm người chuyển nhượng đất để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền tính đến ngày 28-8-2024 đối với khoản vay 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021 là 357.120.524 đồng, trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.549.989 đồng, nợ lãi quá hạn 53.260.274 đồng, lãi phạt quá hạn 310.261 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126301676 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho nguyên đơn thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã giao kết để thu hồi nợ vay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn R xác định, ông đang quản lý, sử dụng nhà, đất thế chấp; ông thừa nhận ông N có vay và nợ như Ngân hàng khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án, ông có nhận thay các văn bản tố tụng và có thông báo lại cho ông N biết, ông N đang tìm người bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng; ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 319, 321, 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 92 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông N trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 357.120.524 đồng, trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.549.989 đồng, nợ lãi quá hạn 53.260.274 đồng, lãi phạt quá hạn 310.261 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; trường hợp ông N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã giao kết để thu hồi nợ vay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích bổ sung vốn chăn nuôi và buôn chuyến bò nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông N đang cư trú trên địa bàn thị xã T nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác lập, thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021 được ông Lê Văn N và Ngân hàng giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 300.000.000 đồng cho ông N nhận theo giấy nhận nợ ngày 13-10-2022; ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giao kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ vốn và yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.



Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông N trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28-8-2024) là 357.120.524 đồng, trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.549.989 đồng, nợ lãi quá hạn 53.260.274 đồng, lãi phạt quá hạn 310.261 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Về xác lập, thực hiện hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông N đã xác lập Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126301676 ngày 08-10-2021 để thế chấp tài sản cho Ngân hàng. Hợp đồng này được các bên tự nguyện xác lập, có chứng nhận của Văn phòng công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 104, 152, cùng tờ bản đồ số 70, diện tích 481,2m<sup>2</sup> và 92,4m<sup>2</sup>; tọa lạc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang do ông N xây dựng và quản lý, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông N, hiện cha ruột của ông N là ông Lê Văn R đang sử dụng làm nơi sinh sống.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126301676, các bên đã thỏa thuận: *“Bên thế chấp đồng ý thế chấp cho S1 tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình theo chi tiết sau đây:*

*a) Quyền sử dụng đất tọa lạc thị trấn (nay là phường ), huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 70, diện tích 92,4m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.*

*b) Quyền sử dụng đất tọa lạc thị trấn (nay là phường ), huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 70, diện tích 481,2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, thời hạn sử dụng: đến ngày 15-10-2063, nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất”.*

Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án và thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, chi phí tố tụng là 600.000 đồng, do Ngân hàng tạm ứng chi trả. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, ông N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền Ngân hàng đã tạm ứng chi.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Lê Văn N phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 157, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 299, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1).

1.1. Buộc ông Lê Văn N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 28-8-2024 là 357.120.524 đồng, trong đó: nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.549.989 đồng, nợ lãi quá hạn 53.260.274 đồng, lãi phạt quá hạn 310.261 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-8-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126301676 ngày 08-10-2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán chi Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản đã thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất diện tích 92,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 70, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, đất tọa lạc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04248 do Sở T cấp ngày 21-8-2017 cho ông Lê Văn N đứng tên sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 481,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 70, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số CS04248 do Sở T cấp ngày 21-8-2017 cho ông Lê Văn N đứng tên sử dụng.

Được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N phải chịu chi phí tố tụng nên ông N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 8.132.000 đồng (Tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010750 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Ông Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.856.026 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phí Thị Phương Nhung**